

Số: 65/2025/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 8546/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng.

2. Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

3. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp; các cuộc họp của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Chủ trì cuộc họp:	Đồng/người/buổi	300.000	150.000
b) Thành viên tham dự:	Đồng/người/buổi	200.000	100.000
c) Các đối tượng phục vụ:	Đồng/người/buổi	100.000	50.000

4. Chi công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Trưởng đoàn giám sát:	Đồng/người/buổi	300.000	150.000
b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát:	Đồng/người/buổi	200.000	100.000
c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:			
Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát.	Đồng/người/buổi	150.000	80.000

Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo).	Đồng/người/buổi	100.000	50.000
d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:			
Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	Đồng/báo cáo	2.000.000	1.000.000

5. Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Đối với văn bản quy phạm pháp luật được ban hành mới hoặc thay thế:			
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.	Đồng/văn bản	24.000.000	10.000.000
Quyết định của Ủy ban nhân dân.	Đồng/văn bản	16.000.000	8.000.000
b) Đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều.			
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.	Đồng/văn bản	19.200.000	8.000.000
Quyết định của Ủy ban nhân dân.	Đồng/văn bản	12.800.000	6.400.000

6. Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 5 Điều này liên quan đến công tác bầu cử:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
Chi xây dựng Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng).	Đồng/văn bản	3.000.000	1.500.000

7. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử:			
Trưởng Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp.	Đồng/người/tháng	2.000.000	1.000.000
Phó Trưởng Ban chỉ đạo các cấp; Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp; Trưởng Ban bầu cử các cấp.	Đồng/người/tháng	1.500.000	750.000
Thành viên Ban chỉ đạo các cấp; Ủy viên Ủy ban bầu cử các cấp; Phó trưởng Ban bầu cử các cấp.	Đồng/người/tháng	1.200.000	600.000
Thành viên Ban bầu cử các cấp; Tổ trưởng Tổ bầu cử.	Đồng/người/tháng	1.000.000	500.000
Thư ký; Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử các cấp; Thành viên Tổ bầu cử.	Đồng/người/tháng	800.000	400.000
Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			
b) Các đối tượng khác được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử. Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).	Đồng/người/ngày	120.000	60.000

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp lớn hơn 15 ngày, mức chi bồi dưỡng tối đa được quy định tại Nghị quyết này trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đồng/người/tháng	2.000.000	1.000.000
c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đồng/người/ngày	300.000	300.000

8. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Trưởng Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp.	Đồng/người/tháng	300.000	150.000
b) Phó Trưởng Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp; Trưởng Ban bầu cử các cấp.	Đồng/người/tháng	250.000	125.000
c) Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Phó Trưởng Ban bầu cử các cấp.	Đồng/người/tháng	200.000	100.000
d) Tổ trưởng Tổ bầu cử.	Đồng/người/tháng	150.000	75.000
đ) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử (từ 01 ngày đến đủ 15 ngày tính là 0,5 tháng; từ 16 ngày đến dưới 31 ngày tính tròn là 01 tháng) từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			

9. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân:	Đồng/người/buổi	150.000	150.000
b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân:	Đồng/người/buổi	100.000	100.000
c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân:	Đồng/người/buổi	50.000	50.000

10. Chi đóng hòm phiếu: 500.000 đồng/hòm phiếu.

11. Chi khắc dấu: 400.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).

12. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: 1.500.000 đồng/bảng.

13. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử: Các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống sẵn có và dự toán đã được giao của đơn vị để phục vụ công tác bầu cử. Trường hợp có nhu cầu phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin, ngân sách nhà nước; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

14. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

15. Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ công tác bầu cử: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hằng năm giao cho các cơ quan, đơn vị.

16. Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và khả năng cân đối ngân sách địa phương các cấp, cụ thể:

1. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Ngoài số kinh phí được phân bổ, trường hợp cần thiết, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng nguồn dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao để đảm bảo kịp thời phục vụ công tác bầu cử.

2. Đối với cấp xã: Ngoài số kinh phí cấp trên hỗ trợ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung thêm nguồn kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ công tác bầu cử tại địa phương theo nội dung và mức chi quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 225/2021/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

b) Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định mức chi và thời gian được hưởng kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Chính phủ, Quốc hội;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử cơ quan (đăng tải);
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung